

Vấn đề Biển Đông trong quan hệ Mỹ - Việt dưới thời Tổng thống B. Obama

Nguyễn Hà Trang^{1,2,*}



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Là một trong những tuyến đường thương mại quan trọng nhất với những ý nghĩa về kinh tế, chiến lược và vị trí, Biển Đông hiện trở thành một trong những điểm nóng quan trọng trên thế giới. Đây là nơi có các bên cùng tuyên bố về vấn đề chủ quyền bao gồm Trung Quốc, các quốc gia ASEAN như Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, Đài Loan và trong những năm gần đây căng thẳng bắt đầu leo thang trước những hành động gắn với tuyên bố về đường 9 đoạn của Trung Quốc. Lập trường cứng rắn của Trung Quốc đã tạo ra những phản ứng từ các quốc gia ASEAN cũng như Mỹ. Tuy không phải là một quốc gia có tuyên bố chủ quyền tại Biển Đông nhưng Mỹ lại có nhiều lợi ích gắn với khu vực này trên các phương diện kinh tế, chiến lược, an ninh – quân sự và ngày càng quan tâm đến vấn đề Biển Đông vì khu vực này nằm trong tổng thể chính sách của Mỹ và đồng thời tình hình căng thẳng tại đây có khả năng đe dọa đến lợi ích quốc gia của Mỹ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng nhận thức Mỹ là một siêu cường, là nhân tố có tiếng nói quan trọng có thể góp phần kiềm chế Trung Quốc cũng như hạn chế những căng thẳng có khả năng leo thang thành xung đột. Xuất phát từ đánh giá chiến lược của cả hai phía mà vấn đề Biển Đông cũng là một nhân tố có những tác động nhất định đến quan hệ Mỹ - Việt trên nhiều khía cạnh khác nhau bao gồm cả những lĩnh vực mà trước nay được đánh giá là "nhạy cảm" như quốc phòng – an ninh.

Từ khoá: vấn đề Biển Đông, quan hệ Mỹ – Việt, B. Obama

ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong giai đoạn cầm quyền của Tổng thống B. Obama, Mỹ đã có những điều chỉnh về chính sách đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng theo hướng tăng cường sự hiện diện và can dự đối với khu vực. Với tư cách là một siêu cường, muốn ngăn cản sự nổi lên của các cường quốc khác, Mỹ đã không quên tìm kiếm quyền kiểm soát tại khu vực đồng thời luôn xác định đây là khu vực có nhiều lợi ích và cũng là địa bàn mà Mỹ cần thông qua đó để thể hiện, duy trì vai trò lãnh đạo thế giới. Bên cạnh các khía cạnh về kinh tế, chính trị thì an ninh cũng là một phương diện lợi ích mang tính chiến lược; do đó Biển Đông cũng như vấn đề tranh chấp tại đây không nằm ngoài sự quan tâm của Mỹ mặc dù Mỹ không phải là một quốc gia tại Biển Đông cũng như không có các tuyên bố về vấn đề chủ quyền đối với vùng biển này. Vấn đề nghiên cứu được đặt ra là trong mối quan hệ giữa hai nước, thì Việt Nam với tư cách là quốc gia có tuyên bố về vấn đề chủ quyền tại Biển Đông, một trong những đối tác được Mỹ đánh giá là tiềm năng và Mỹ, một siêu cường trong quá trình triển khai chính sách tại Đông Nam Á nói riêng và châu Á – Thái Bình Dương nói chung, với những lợi ích được

xác định tại Biển Đông thì vấn đề tranh chấp tại Biển Đông sẽ có những cơ sở nào để tác động đến mối quan hệ này hoặc ngược lại và những vấn đề đặt ra, liên quan đến Biển Đông trong quá trình cả hai quốc gia đang ngày càng phát triển, nâng cấp mối quan hệ song phương là gì. Để giải đáp vấn đề nghiên cứu được đặt ra, bài viết tiếp cận và nghiên cứu dựa trên những cơ sở sau:

Về cách tiếp cận, bài viết tiếp cận trên cơ sở các khung lý thuyết về quan hệ quốc tế với các luận điểm cơ bản về chính sách đối ngoại, lợi ích quốc gia, hợp tác và xung đột... Trong quá trình nghiên cứu, bài viết cũng hướng đến việc làm rõ những cơ sở để vấn đề Biển Đông có những tác động đến quan hệ Mỹ – Việt do đó cũng tiếp cận vấn đề nghiên cứu từ góc độ lịch sử (lịch sử - logic). Bài viết cũng vận dụng cách tiếp cận hệ thống, bởi lẽ vấn đề Biển Đông là một bộ phận trong tổng thể các vấn đề về kinh tế, chính trị, an ninh cũng như Việt Nam, Đông Nam Á là một bộ phận của tổng thể khu vực châu Á – Thái Bình Dương, sẽ chịu những tác động từ các vấn đề mang tính hệ thống.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết vận dụng các phương pháp khác nhau trong quá trình nghiên cứu, bao gồm (i) một số phương pháp phổ biến: tổng hợp, so sánh, đối chiếu, diễn dịch, quy nạp, phương pháp nghiên cứu định tính...; (ii) các phương pháp đặc thù

¹Trường Đại học Thủ Dầu Một

²NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN

Liên hệ

Nguyễn Hà Trang, Trường Đại học Thủ Dầu Một

NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN

Email: nguyenhattrang0664111@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 07/4/2019
- Ngày chấp nhận: 07/8/2019
- Ngày đăng: 30/9/2019

DOI :10.32508/stdjssh.v3i3.525



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Hà Trang N. **Vấn đề Biển Đông trong quan hệ Mỹ - Việt dưới thời Tổng thống B. Obama.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 3(3):152-161.

của một số ngành khoa học xã hội lân cận: phương pháp lịch sử - logic; (iii) các phương pháp nghiên cứu của ngành khoa học quan hệ quốc tế. Các phương pháp này được thể hiện xuyên suốt trong bài viết.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Những cơ sở để vấn đề Biển Đông tác động đến quan hệ Mỹ - Việt

Từ phía Mỹ

** Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những thách thức đối với vấn đề an ninh, hàng hải*

Trong Báo cáo quốc phòng năm 2010, Mỹ cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc và Ấn Độ, đặc biệt là sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với vị thế của hai cường quốc đang lên trong thời gian tới như thể nào là rất quan trọng đối với lợi ích của Mỹ. Do mục tiêu của chiến lược toàn cầu, Washington sẽ ngăn chặn sự xuất hiện của bất kỳ một quốc gia nào có thể thách thức vị thế lãnh đạo thế giới tại 4 khu vực quan trọng gồm châu Âu, châu Á - Thái Bình Dương, Trung Đông và Mỹ Latinh. Ở châu Á, Trung Quốc đang lớn mạnh không ngừng cả về kinh tế, chính trị và quân sự, đang cạnh tranh với Mỹ trên phạm vi toàn cầu; trong năm 2010, Trung Quốc đã vươn lên vị trí nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, sau Mỹ. Theo dự báo của nhiều chuyên gia, sau năm 2020, Trung Quốc có thể vượt Mỹ về GDP để trở thành nền kinh tế số 1 thế giới. Và trong Chiến lược quân sự được công bố vào năm 2012, Mỹ đánh giá: “về lâu dài, sự nổi lên của Trung Quốc như một cường quốc khu vực sẽ có khả năng ảnh hưởng đến nền kinh tế và an ninh của Mỹ theo nhiều cách khác nhau”¹.

Những năm gần đây, Trung Quốc rất nỗ lực trong việc gia tăng uy tín tại khu vực và quốc tế, cải thiện tiềm lực quốc phòng, hiện đại hóa quân đội, tập trung nhiều vào hải quân. Mỹ cho rằng quân đội Trung Quốc đang trải qua một “sự chuyển biến chiến lược, khi mà họ chuyển từ việc tập trung vào các lực lượng trên bộ sang các lực lượng hải quân và không quân” và “gần đây đã trở nên quyết đoán hơn ở châu Á, đặc biệt là ở Biển Đông”². Đó chính là những nỗ lực trong chiến lược trở thành một cường quốc biển; Trung Quốc đã có nhiều tuyên bố vô lý về vấn đề chủ quyền, ngày càng gia tăng các hoạt động đơn phương nhằm thực hiện yêu sách đường lưỡi bò, đã tiến hành hàng loạt các hoạt động quân sự quy mô lớn như xây dựng, mở rộng căn cứ hải quân; tiến hành hàng loạt các hành động gây hấn với các quốc gia có liên quan đến tranh chấp cũng như các hành động nhằm khẳng định chủ quyền khác tại Biển Đông một cách cứng rắn. Mỹ lo lắng

rằng Trung Quốc có thể ảnh hưởng đến việc thúc đẩy chiến lược toàn cầu, nhất là có thể ảnh hưởng đến lợi ích chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á và để đảm bảo tổng thể lợi ích, Mỹ bắt đầu tăng cường các biện pháp phòng ngừa sự trỗi dậy của Trung Quốc. Mỹ cũng nhận thấy nếu Trung Quốc kiểm soát Biển Đông, sẽ có được khả năng kiểm soát tất cả các tuyến giao thông ở đây, hạn chế sự tự do đi lại một cách chủ quan và thậm chí từ chối quyền đi qua không gây hại đối với các lực lượng quân sự nước ngoài, trái với quy định của UNCLOS³. Điều này tạo ra những thách thức lớn đối với vấn đề an ninh và hàng hải; đe dọa đến lợi ích của nhiều quốc gia, và cũng tạo ra những thách thức đối với vị trí lãnh đạo của Mỹ ở khu vực. Ở khía cạnh nào đó, Biển Đông được xem là “trận chiến” cạnh tranh quyền lực thế giới giữa Mỹ và Trung Quốc; “là thuộc thủ đối với chính sách “tái cân bằng” của Mỹ”⁴

* Lợi ích của Mỹ ở Biển Đông

Tuy không phải là quốc gia có tranh chấp ở Biển Đông nhưng là một siêu cường duy nhất, Mỹ nhìn nhận rằng ở đây có những quyền lợi gắn bó, nhiều mối quan hệ ràng buộc và những lợi ích “sống còn”. Lợi ích của Mỹ ở Biển Đông bao gồm các lợi ích về kinh tế, lợi ích an ninh chiến lược⁵.

Thứ nhất, từ góc độ lợi ích kinh tế, tự do hàng hải là lợi ích then chốt và lâu dài. Mỹ hiện nay là một quốc gia hàng hải hàng đầu thế giới và lợi ích kinh tế tại Thái Bình Dương đã rất lớn; hàng hóa xuất khẩu hai chiều giữa Mỹ và khu vực Đông Á được vận chuyển chủ yếu qua các tuyến đường biển quốc tế trên Biển Đông, do đó duy trì an ninh, giao thông thông suốt ở đây là những tính toán chiến lược quan trọng của Mỹ. “Mối đe dọa đối với tự do hàng hải qua Biển Đông sẽ phá vỡ nghiêm trọng đến kinh tế khu vực. Sự tăng trưởng của kinh tế và an ninh của Mỹ phụ thuộc vào việc duy trì tự do hàng hải với cả tàu buôn và tàu quân sự”⁶. Joseph Nye khi còn là Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ về an ninh quốc tế từng bày tỏ “nếu xảy ra hành động quân sự tại quần đảo Trường Sa và cản trở tự do trên biển, thì Mỹ sẽ chuẩn bị ứng phó và đảm bảo tự do hàng hải được tiếp tục”⁶. Tự do hàng hải trên Biển Đông còn gắn liền với lợi ích của những đồng minh thân cận của Mỹ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines vốn có lợi ích kinh tế dựa rất nhiều vào thương mại trên biển. Các lợi ích kinh tế còn xuất phát từ nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đặc biệt là dầu mỏ. Mỹ luôn có nhu cầu thăm dò và khai thác nguồn tài nguyên tại đây; đã có nhiều công ty Mỹ ký hợp đồng tiến hành thăm dò và khai thác dầu mỏ với các đối tác ven biển ở khu vực (như công ty Conoco, Exxon Mobil đã ký hợp đồng khai thác với Việt Nam). Trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 12/2008, Thủ trưởng Ngoại giao

Mỹ John Negroponte đã khẳng định: “Các công ty Mỹ có đủ quyền tham gia hợp tác khai thác dầu khí với Việt Nam”⁷. Nền kinh tế Mỹ bị tổn thương nghiêm trọng do cuộc khủng hoảng giá dầu năm 2008 đã khiến cho vấn đề năng lượng càng trở nên quan trọng. Mỹ nhìn nhận một thực tế là nhiều nước đang cần tới nguồn tài nguyên của các nước Đông Nam Á, nếu Mỹ thành công trong việc đứng chân tại đây, sẽ có thể thiết lập các quan hệ cạnh tranh kinh tế với các nước trong khu vực. Hơn nữa, với nhu cầu năng lượng ngày càng cao của các nước lớn ở khu vực, lưu lượng tàu chở dầu đi qua eo biển Malacca nhiều, Mỹ càng muốn có lợi thế trên con đường này.

Thứ hai, về an ninh chiến lược và quân sự, Biển Đông thuộc khu vực hoạt động của Hạm đội 7 tại Thái Bình Dương của Mỹ trong việc thực hiện các hành động quân sự tại vịnh Persian, là nơi triển khai nhiệm vụ phòng thủ Ấn Độ Dương của Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương. Biển Đông không chỉ là con đường chiến lược nối liền Đại Tây Dương với Thái Bình Dương, các tuyến đường ở biển Đông Nam Á (chủ yếu là Biển Đông) còn có thể liên kết các căn cứ quân sự của Mỹ trên lãnh thổ Nhật Bản với các căn cứ lớn ở đảo Guam, tạo thành phòng tuyến quân sự bảo vệ các đồng minh ở Đông Á. Xét về mặt lịch sử, Biển Đông là nơi tồn tại những mối quan tâm an ninh chung giữa Mỹ và các đồng minh là Philippines và Nhật Bản. Trên cơ sở đó, Mỹ nhận thức rất rõ vai trò quan trọng của Biển Đông trong chiến lược toàn cầu, vì vậy, vị trí địa chiến lược của Đông Nam Á, trong đó có Biển Đông càng trở nên quan trọng.

Tóm lại, Biển Đông chiếm một vị trí không nhỏ trong chủ trương điều chỉnh chiến lược của Mỹ. Cùng với việc thực hiện chuyển trọng tâm chiến lược sang khu vực này, Mỹ rất quan tâm tới Biển Đông bởi nhiều lý do mà trước hết là vì các lợi ích của Mỹ, sự trỗi dậy của Trung Quốc cùng với những thách thức đối với vấn đề an ninh tại khu vực. Mỹ xem vấn đề Biển Đông như là một cơ hội để kiểm tra Trung Quốc, không chỉ liên quan đến lợi ích chiến lược mà còn là nơi thể hiện uy tín và sức mạnh của Mỹ.

* Chính sách của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông

Dưới thời Tổng thống George W. Bush, Mỹ ít quan tâm đến vấn đề Biển Đông, và cũng không đưa ra quan điểm nào mới so với lập trường nêu trong Tuyên bố năm 1995, được xem là lập trường cơ bản của Mỹ đối với tranh chấp ở Biển Đông. Trong giai đoạn cầm quyền của Tổng thống B. Obama, tình hình Biển Đông có nhiều căng thẳng; và trở thành một phần quan trọng trong chiến lược “tái cân bằng”. Trên cơ sở có kế thừa nhận thức của các chính quyền tiền nhiệm, chính quyền Obama đã có nhiều động thái mạnh mẽ

và tích cực bày tỏ quan điểm muốn Biển Đông luôn là vùng biển quốc tế nhằm đảm bảo tự do hàng hải, vừa góp phần duy trì các lợi ích lâu dài của Mỹ, vừa để kiểm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Chính quyền Obama thể hiện quan điểm sẽ không để cho quốc gia nào nổi lên khống chế Biển Đông, đe dọa đến lợi ích của Mỹ, “phản đối bất cứ bên nào đòi quyền sở hữu toàn bộ khu vực này thông qua các biện pháp không hòa bình và không tuân theo các công ước quốc tế”⁸. Mỹ đã “từ chỗ phê phán ám chỉ hành vi gây hấn của Trung Quốc cho tới chỉ đích danh, từ chỗ trung lập trong vấn đề chủ quyền dần bày tỏ thái độ”⁹. Nhiều chính khách cho rằng Mỹ cần can thiệp sâu hơn vào khu vực này và nên thay đổi từ “không can dự tới can dự một phần”⁶. Mỹ vẫn đang có sự hiện diện quân sự nhất định trong khu vực; và cũng chính sự hiện diện quân sự tại các căn cứ trên bán đảo Triều Tiên, Nhật Bản cũng như các cam kết quân sự với Đài Loan và Philippines đã đặt ra vai trò khiến Mỹ không thể thờ ơ trước những xung đột, tranh chấp có thể liên quan đến các quyền tự do hàng hải, đi lại của lực lượng hải quân¹⁰.

Nhìn chung, chính sách của Mỹ được thể hiện qua lập trường bốn điểm¹¹: (i) thúc đẩy giải pháp hòa bình theo phương cách tăng cường hòa bình, thịnh vượng và an ninh trong khu vực; (ii) phản đối đe dọa hoặc sử dụng vũ lực để khẳng định yêu sách quốc gia của bất kỳ nước nào; (iii) không có quan điểm về giá trị pháp lý của các yêu sách chủ quyền có tính cạnh tranh với nhau và sẵn sàng giúp đỡ cho một giải pháp hòa bình về các yêu sách có tính cạnh tranh nếu được các bên yêu cầu; (iv) Mỹ có lợi ích chiến lược trong việc duy trì các con đường liên lạc trong khu vực và xem đó là cơ bản để chống lại các yêu sách vượt ra ngoài sự cho phép của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển.

Nội dung của chính sách này, cơ bản tương tự như chính sách Biển Đông được đưa ra năm 1995 nhưng nhấn mạnh hơn đến vai trò của Mỹ và thể hiện xu hướng tăng cường sự hiện diện; cụ thể, Mỹ đóng vai trò tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết tranh chấp, ủng hộ các sáng kiến của ASEAN đi kèm với các biện pháp ngoại giao phòng ngừa, bảo vệ các lợi ích của Mỹ và đồng minh, tránh đối đầu trực tiếp với Trung Quốc. Lập trường của Mỹ từ trước đến nay đối với vấn đề Biển Đông vẫn là không đứng về bất cứ bên nào đòi chủ quyền tại vùng biển này¹². Giáo sư Donald Emerson, Giám đốc diễn đàn Đông Nam Á của Đại học Stanford, Mỹ, cho rằng: “Mỹ không nên thể hiện bằng bất cứ cách nào cho thấy là Mỹ đang ủng hộ một bên nào đó trong tranh chấp này, vì việc này sẽ có tác dụng ngược, làm tình hình xấu đi và sẽ làm cho việc giải quyết vấn đề thêm khó khăn”¹³. Và Mỹ có xu

hướng “*quản lý xung đột ở Biển Đông qua chiến lược kết hợp cả biện pháp ngoại giao và quân sự*”^{4,14-17}.

Như vậy, chính sách cho thấy nước Mỹ đã chuyển từ chỗ ít quan tâm trước đây sang tích cực quan tâm và tích cực thúc đẩy vấn đề Biển Đông theo hướng quốc tế hóa, đồng thời gửi đi một thông điệp đó là nước Mỹ sẵn sàng trở thành một lực lượng duy trì an ninh, ổn định tại Biển Đông, cũng như toàn bộ khu vực châu Á – Thái Bình Dương và làm chỗ dựa cho các nước Đông Nam Á trước sự đe dọa từ Trung Quốc. Quan điểm của Mỹ thể hiện rõ việc ngăn chặn các xung đột quân sự, tăng cường các cuộc đối thoại, hoạt động ngoại giao giữa các bên tranh chấp có thể sẽ làm cho tình hình Biển Đông hòa dịu, khả năng hợp tác và phát triển¹⁸ đồng thời muốn thể hiện vai trò trung gian với các bên tranh chấp, đặc biệt là muốn tham gia như một lực lượng cân bằng với một Trung Quốc có tiềm năng quân sự áp đảo đối với các nước đòi chủ quyền khác trong ASEAN.

Từ phía Việt Nam

* *Cách tiếp cận đa phương và quốc tế hóa vấn đề Biển Đông*

Thực tế cho thấy Trung Quốc là quốc gia có sức mạnh trên biển lớn nhất so với các quốc gia yếu sách còn lại và luôn phô trương sức mạnh quân sự cùng những hành động đơn phương, khiêu khích, diễn giải lại luật pháp quốc tế; do đó những nước lớn như Trung Quốc sẽ luôn chiếm ưu thế và chi phối hành động thậm chí áp đảo các quốc gia khác. Là một bên liên quan trong vấn đề tranh chấp và dễ bị tổn thương trước quyền lực ngày càng lớn cùng sự quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc, lời giải cho các quốc gia nhỏ, yếu thế hơn như Việt Nam trong mối quan hệ với một bên tranh chấp luôn có xu hướng “đơn phương” và “đe dọa” như Trung Quốc chính là cách tiếp cận đa phương và ở một mức độ nào đó thì quốc tế hóa đối với vấn đề Biển Đông. Điều này, ở một góc độ nào đó sẽ tạo ra áp lực, buộc Trung Quốc phải chứng minh mình là một nước láng giềng “hào” đối với các quốc gia cùng tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, cũng như các nước không tuyên bố chủ quyền, nhưng có tiếng nói hữu ích, giúp giải quyết các bất đồng, chứng minh “sự trỗi dậy hòa bình” để qua đó có thể đảm bảo vai trò quan trọng trong khu vực cũng như đang ngày càng có ảnh hưởng lớn trên thế giới của Trung Quốc. Vì thế, sự quan sát của cộng đồng quốc tế nói chung, sự hiện diện và có tiếng nói góp phần giải quyết tranh chấp của các quốc gia khác, đặc biệt là các nước lớn đối với Bắc Kinh trong những “hành xử” ở Biển Đông cũng như xem các tuyên bố tôn trọng các nước khác của Trung Quốc có tương ứng với những hành động thực

tiễn hay không là một cơ sở ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của Trung Quốc trên thế giới.

Là một chủ thể quan trọng, có tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, nhưng Việt Nam chỉ có sức mạnh tầm trung ở khu vực Đông Nam Á, do đó Việt Nam càng cần tìm kiếm các giải pháp đa phương hoà bình trong giải quyết xung đột cũng như kêu gọi sự ủng hộ quốc tế. Đối với Việt Nam, quan trọng nhất là sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và nhiều nhà quan sát cho rằng việc tìm kiếm các giải pháp ở Biển Đông nên được quốc tế hoá. Vấn đề Biển Đông cần được nêu ra tại các diễn đàn đa phương, cần đến gần với dư luận thế giới thông qua các Hội nghị hay diễn đàn thảo luận quốc tế. Việt Nam cần đa dạng hoá các mối quan hệ; tăng cường hợp tác thông qua các tổ chức quốc tế; giảm dần sự phụ thuộc vào một đối tác (Trung Quốc); nâng cao năng lực quốc phòng; củng cố và tăng cường *niềm tin chiến lược*^a, giúp ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh; bên cạnh đó sự hiện diện của các nước lớn tại khu vực để tạo ra sự cân bằng với tham vọng bành trướng trên biển của Trung Quốc cũng là một điều cần thiết. Trong bối cảnh đó, Mỹ là một nhân tố hợp tác quan trọng, mang tính chiến lược.

* *Ý nghĩa chiến lược của Mỹ đối với Việt Nam*

Thứ nhất, về mặt kinh tế, Mỹ chiếm một vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, việc cải thiện quan hệ với Mỹ tạo cơ hội tiếp cận một thị trường lớn, tiềm lực kinh tế, khoa học – công nghệ phát triển hàng đầu, vì vậy trong quan hệ với Mỹ luôn nhấn mạnh nội dung hợp tác kinh tế – thương mại, khoa học - kỹ thuật. Đến năm 2013, Mỹ - nền kinh tế lớn nhất toàn cầu – được ghi nhận là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam trên toàn thế giới, chỉ đứng sau Trung Quốc và là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong khu vực châu Mỹ; nếu như trong năm 2005 và 2006, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Mỹ chỉ đạt tương ứng là 6,77 tỷ USD và 8,81 tỷ USD thì đến năm 2007, con số này đã là 11,79 tỷ USD^b. Năm 2009, Mỹ đã xuất khẩu 3,1 tỷ USD hàng hóa sang Việt Nam và nhập khẩu 12,3 tỷ USD hàng hóa từ Việt Nam; tương tự, các công ty của Mỹ cũng tiếp tục đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, chỉ riêng trong năm 2009, các doanh nghiệp tư nhân của Mỹ đã cam kết đầu tư trực tiếp 9,8 tỷ USD vào Việt Nam¹⁹. Mỹ đứng thứ 7 trong số 80 quốc gia, vùng lãnh thổ có vốn đầu tư tại Việt

^aThuật ngữ này được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nêu bật trong bài phát biểu quan trọng của ông tại Đối thoại Shangri-La (Singapore, tháng 5/2013, nguồn: <http://baodientu.chinhphu.vn/Ca-c-bai-phat-bieu-cua-Thu-tuong/Thutuong-Nguyen-Tan-Dung-pha-t-bieu-khai-mac-Doi-thoi-Shangri-La-2013/181848.vgp>)

^bCác số liệu dẫn từ Website của Tổng cục Hải quan, ngày 26/7/2013. [truy cập ngày 20/3/2014]

Nam. Tính đến năm 2015, theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, Mỹ có “735 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng 11,06 tỷ USD; xếp thứ 7 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam”²⁰. Mỹ là một sự lựa chọn hợp lý cho Việt Nam nhằm tránh lệ thuộc vào kinh tế Trung Quốc; đồng thời “Việt Nam cũng cần một môi trường kinh tế quốc tế thuận lợi và xem sự hỗ trợ của Mỹ như là việc thiết yếu cho tăng trưởng kinh tế quốc gia”²¹.

Thứ hai, về mặt an ninh – chính trị, phát triển quan hệ với Mỹ góp phần tạo dựng một môi trường quốc tế hoà bình, ổn định, tạo thuận lợi cho Việt Nam tập trung vào thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược; thông qua đó cũng giúp Việt Nam cải thiện và thúc đẩy quan hệ với các nước khác để nâng cao hơn vị thế trên trường quốc tế. Đồng thời việc cải thiện và xử lý tốt các lĩnh vực quan hệ với Mỹ cũng nằm trong việc triển khai thực hiện phương châm đối ngoại cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, trước hết là ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Về mặt này, ý nghĩa chiến lược của Mỹ cũng gắn với yếu tố Trung Quốc. Khi những căng thẳng trên Biển Đông ngày một phức tạp, Trung Quốc ngày một “thị uy” với Việt Nam, Việt Nam càng gần hơn với Mỹ, “xem Mỹ như một chìa khóa cho việc duy trì cân bằng chiến lược ở Đông Nam Á”²² tạo nên thế đối trọng, cân bằng và kiềm chế Trung Quốc. Việt Nam có lợi ích trong việc hợp tác với Mỹ và các đối tác an ninh khác để duy trì trật tự khu vực dựa trên quy tắc cũng như thúc đẩy một cấu trúc an ninh khu vực không bị chi phối bởi bất kỳ cường quốc nào. Hiện nay Mỹ vẫn là siêu cường số một thế giới, do vậy, Việt Nam cần khéo léo tranh thủ khi Mỹ vẫn đang đóng vai trò người cân bằng hay ủng hộ sự ổn định tại khu vực.

Tuy nhiên, với khoảng cách gần về địa lý và mối quan hệ truyền thống giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng như tính nhạy cảm của Trung Quốc đối với Mỹ, Việt Nam phải tính toán và thận trọng trong việc thúc đẩy quan hệ với Mỹ. Sự lo ngại của Trung Quốc đối với việc phát triển quan hệ Việt – Mỹ thể hiện trên 3 khía cạnh²³: (i) sự lo ngại Mỹ sẽ dùng Việt Nam để “bao vây”, “kìm hãm” Trung Quốc; (ii) việc thắt chặt quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam với ASEAN sẽ ngầm phá hoại mục tiêu chính sách Đông Nam Á của Trung Quốc; (iii) căng thẳng giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ tạo ra cái cớ cho Mỹ tăng cường hiện diện quân sự tại Đông Nam Á. Những sự chuyển dịch quá gần trong quan hệ Việt – Mỹ đều có thể rạo ra những phản ứng từ Trung Quốc. Mỹ cho rằng Việt Nam luôn tránh những vấn đề có thể gây căng thẳng với Trung Quốc, chẳng hạn như việc Mỹ tăng cường hiện diện hải quân tại khu vực, mời tàu hải quân Mỹ ghé thăm các cảng

mà không cần kế hoạch trước, hoặc tiến hành kiện hợp pháp những hành động và tuyên bố của Trung Quốc ở Biển Đông²⁴. Nhân tố Trung Quốc vừa có tính thúc đẩy vừa có khả năng cản trở mối quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ.

Một số biểu hiện của vấn đề Biển Đông trong quan hệ Mỹ - Việt

Thứ nhất, vấn đề Biển Đông, ở một số khía cạnh, là điểm gặp nhau quan trọng về mặt chiến lược giữa Mỹ và Việt Nam, điều này góp phần tạo ra cơ sở cho sự xích lại gần nhau của mối quan hệ vì những lợi ích song trùng đối với các vấn đề an ninh, tự do hàng hải. Trong chính sách “tái cân bằng” ở châu Á - Thái Bình Dương, chính quyền Obama chủ trương củng cố quan hệ với các đồng minh và thúc đẩy quan hệ với các nước khác để hạn chế một sự xáo trộn quyền lực tại khu vực, một “trật tự dựa trên quy tắc, xây dựng, hòa bình, ổn định ở châu Á” với những vấn đề như tự do hàng hải và hàng không ở Biển Đông chính là một nền tảng của chính sách châu Á của chính quyền Obama²⁵ nhất là trong bối cảnh Trung Quốc trở dậy mạnh mẽ cả về kinh tế và quân sự, có những dấu hiệu “không hòa bình”. Bài phát biểu với tiêu đề “Mỹ và an ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương” tại Đối thoại Shangri-La ở Singapore ngày 3/6/2017, Bộ Trưởng Quốc phòng James Mattis đã lên án các hành động quân sự hóa của Trung Quốc ở Biển Đông. Mỹ mong muốn hạn chế khả năng xảy ra các cuộc xung đột quân sự quy mô lớn, tăng cường khả năng răn đe, hậu thuẫn cho các lực lượng thân thiện tại khu vực; điều này cũng được thể hiện trong chiến lược của Mỹ đối với Biển Đông qua việc tuyên bố ủng hộ tự do, an toàn và an ninh hàng hải, phản đối các hành động gây hấn, kêu gọi tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982 và các nguyên tắc ứng xử ở khu vực nhằm duy trì hòa bình ổn định ở Biển Đông. Về phía Việt Nam, tự do hàng hải và hàng không cũng là những nội dung quan trọng mà Việt Nam tìm cách thúc đẩy cùng với các đối tác có cùng tư duy như Mỹ, có thể thể hiện thông qua các tuyên bố chung song phương hoặc đa phương nhằm tăng cường hợp tác trên các vấn đề an ninh trong khu vực đồng thời có thể huy động sự ủng hộ của quốc tế đối với cuộc đấu tranh của mình ở Biển Đông qua đó có thể nâng cao vị thế đàm phán của mình trước Trung Quốc.

Thứ hai, là chất xúc tác thúc đẩy sự hợp tác trên một số lĩnh vực vốn được đánh giá là “nhạy cảm”, “thận trọng” nhất trong quan hệ giữa hai nước, đơn cử như lĩnh vực quốc phòng – an ninh. Quan hệ quốc phòng hai nước có những bước tiến đáng kể kể từ năm 2009. Trong tháng 4/2009, các quan chức quốc phòng Việt

Nam đã tham quan hoạt động trên tàu sân bay USS John D. Stennis (CVN-74) đang hoạt động ở khu vực Biển Đông. Sau khi Việt Nam mở cửa cơ sở sửa chữa tàu tại vịnh Cam Ranh, vào tháng 9/2009, tàu cứu hộ USNS Safeguard đã trở thành chiếc tàu đầu tiên của Hải quân Mỹ tiến hành các hoạt động sửa chữa nhỏ tại Việt Nam. Tháng 12/2009, Bộ trưởng Quốc phòng, Đại tướng Phùng Quang Thanh đã có chuyến thăm chính thức đến Washington nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ quốc phòng giữa hai nước. Trên đường đến Washington, Bộ trưởng đã ghé thăm Bộ Tư lệnh Hải quân Mỹ tại Thái Bình Dương ở Hawaii và tham quan tàu ngầm tấn công hạt nhân USS Florida (SSGN-728) lớp Ohio. Chuyến đi này đã góp phần xác định nhiều khuôn khổ hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Trong năm 2010, trong bối cảnh kỷ niệm 15 năm bình thường hóa quan hệ, các quan chức Việt Nam đã tham quan siêu tàu sân bay USS George W.H. Bush đang được đóng mới ở Norfolk (Virginia, Mỹ) và tàu sân bay USS George Washington khi đang hoạt động ở khu vực Biển Đông. Ngày 10/8/2010, Khu trục hạm USS McCain cập bến Đà Nẵng trong công tác huấn luyện phi tác chiến, trao đổi kỹ thuật giữa hai nước. Tháng 1/2012, Mỹ đã công bố chiến lược quốc phòng mới, trọng tâm là khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhấn mạnh tăng cường khả năng phát triển của các đối tác ở khu vực, trong đó có Việt Nam. Tháng 6/2012, Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta đã có chuyến thăm chính thức Việt Nam nhằm hướng đến xác lập khuôn khổ hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Vừa đến Việt Nam, Leon Panetta đã thăm cảng Cam Ranh, đây là lần đầu tiên, kể từ khi chiến tranh ở Việt Nam kết thúc, một Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ tới cảng Cam Ranh. Chuyến thăm mang tính biểu tượng rất cao, cho thấy rõ quan hệ hợp tác quốc phòng giữa hai nước đang được cải thiện. Trong chuyến thăm, Bộ trưởng đã đề xuất thành lập một văn phòng hợp tác quốc phòng tại Đại sứ quán Mỹ để tăng cường hơn nữa các hoạt động hợp tác. Trong chuyến thăm Việt Nam cuối năm 2013, Ngoại trưởng John Kerry công bố cam kết ban đầu trị giá 32,5 triệu USD cho viện trợ khu vực và song phương để phát triển năng lực hàng hải tại Đông Nam Á. Mỹ dự kiến dành 18 triệu USD từ dự án này cho Việt Nam “*để hỗ trợ tăng cường năng lực cho các đội tuần tra biển nhằm nhanh chóng triển khai các hoạt động tìm kiếm và cứu hộ, đối phó với thảm họa và các hoạt động khác, bắt đầu bằng việc huấn luyện và cấp 5 tàu tuần tra cao tốc cho lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam*”²⁶. Đây được xem là một sự hợp tác quan trọng, góp phần thúc đẩy khuôn khổ xây dựng đối tác chiến lược đã được lãnh đạo hai nước thông qua trong chuyến thăm Mỹ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang vào năm 2013.

Lực lượng hải quân Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam và Hải quân nhân dân Việt Nam để hiện thực hóa các cam kết mà các quan chức cao cấp của Mỹ đưa ra nhằm tăng cường năng lực thực thi pháp luật của Việt Nam, cũng như năng lực tìm kiếm cứu nạn. Tháng 4/2013, hải quân hai nước cùng diễn tập tìm kiếm cứu nạn ngoài khơi biển Đà Nẵng. Tại đối thoại chính sách quốc phòng cấp thứ trưởng lần thứ tư (năm 2013) tại Washington, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam - Thiếu tướng Nguyễn Quang Đạm, đã ký biên bản hợp tác về bảo vệ bờ biển với Đô đốc Robert Papp - Tư lệnh Lực lượng phòng vệ bờ biển (cảnh sát biển) Mỹ. Theo đó, hai bên sẽ tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an toàn hàng hải, an ninh biển, dịch vụ sửa chữa hậu cần tại cảng biển... Hai bên cũng cam kết thúc đẩy hợp tác về tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ hậu quả thiên tai bằng cách chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường năng lực cho lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam. Ngoài ra, lực lượng Phòng vệ biển Mỹ đã tập huấn cho lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam đối phó với những mối đe dọa trên biển như buôn bán người, vấn đề môi trường, đánh bắt thủy sản trái phép, buôn lậu vũ khí, cướp biển và khủng bố. Đầu tháng 2/2015, Mỹ đã bàn giao cho Cảnh sát biển Việt Nam 5 tàu tuần tra cao tốc theo đúng cam kết viện trợ của Ngoại trưởng John Kerry trong chuyến công du Việt Nam vào cuối năm 2013. Hải quân Mỹ và Cảnh sát biển Việt Nam đã có các hoạt động trao đổi chuyên môn để giúp Cảnh sát biển Việt Nam điều khiển, vận hành tốt các trang bị do phía Mỹ cung cấp. Một số sĩ quan Cảnh sát biển Việt Nam được huấn luyện tại Mỹ để học sử dụng, bảo dưỡng các xuồng cao tốc. Không những huấn luyện sử dụng và bảo trì, phía Mỹ còn bàn giao thêm các phụ tùng và các trang thiết bị thay thế và giúp Việt Nam xây dựng xưởng sửa chữa các xuồng cao tốc theo một chương trình hỗ trợ lâu dài. Hợp tác an ninh - quân sự giữa hai nước từ trước đến nay chủ yếu vẫn là tìm hiểu lẫn nhau, có những bước đi khá thận trọng. Song, sự thiết lập và mở rộng mối quan hệ hợp tác quân sự cho thấy hai nước đã có sự tương đồng về lợi ích chiến lược; kết quả đạt được còn được thể hiện ở những vấn đề gắn với tình hình hiện nay như hợp tác nhằm đảm bảo an ninh hàng hải. Đây là một trong những điểm sáng trong quan hệ hợp tác quốc phòng giữa hai quốc gia.

Thứ ba, là một phép thử đối với lòng tin chiến lược dành cho nhau trong quá trình theo đuổi chiến lược của từng quốc gia. Đối với Mỹ, những tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc là không tuân theo luật quốc tế và Mỹ “không chia sẻ cách diễn giải của Trung Quốc về luật biển”; Mỹ không mong muốn Biển Đông trở thành ao nhà của Trung Quốc, đây là điều không thể

chấp nhận đối với một cường quốc biển toàn cầu như Mỹ. Tuy vậy, mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc, suy cho cùng vẫn có những ý nghĩa rất quan trọng đối với cả hai quốc gia; và trên thực tế quá trình thực hiện kiểm chế, cạnh tranh với Trung Quốc vẫn diễn ra song song với quá trình hợp tác. Mục tiêu và các bước triển khai chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc trong vấn đề Biển Đông vẫn là kiểm chế, ngăn chặn, không để nước này tăng cường sức mạnh đến mức có thể đe dọa các lợi ích của Mỹ, nhưng đồng thời vẫn coi trọng tính ổn định tương đối của mối quan hệ song phương, không để bất đồng trong vấn đề Biển Đông gây tổn hại đến quan hệ hai nước. Mỹ tăng cường can dự vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương nhằm duy trì lợi ích kinh tế, quyền lực chính trị, văn hóa, sức mạnh quân sự và ngoại giao, nhất là để kiểm chế các nước thách thức vai trò vượt trội của Mỹ ở khu vực và trên thế giới; cuộc cạnh tranh địa chính trị ở Biển Đông giữa Mỹ và Trung Quốc cũng xuất phát từ lợi ích của Mỹ, do đó, cũng có những ý kiến lo ngại về việc Mỹ sẵn sàng thỏa hiệp với Trung Quốc trong trường hợp thỏa mãn các mục tiêu về lợi ích. Mỹ vẫn tìm cách hỗ trợ nâng cao năng lực cho các nước có yêu sách chủ quyền trừ Trung Quốc nhưng tránh phải dính líu vào một cuộc xung đột quân sự. Mặt khác, một khi Mỹ thấy lợi ích trong việc thỏa hiệp với Trung Quốc cao hơn so với việc ủng hộ nguyên trạng như hiện nay, các nước nhỏ hoàn toàn có lý do để lo ngại về một cuộc đổi chác lớn. Về phía Việt Nam, giống như hầu hết các thành viên ASEAN khác, do các mối quan hệ kinh tế chặt chẽ với Trung Quốc, đồng thời chính sách đối ngoại của Việt Nam cũng không chủ trương tham gia một khối mang tính liên minh chống Trung Quốc cứng nhắc hoặc thực hiện cách tiếp cận mang tính đối đầu công khai với Trung Quốc.

Thứ tư, Việt Nam cần phải kiên trì và giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, thực hiện chính sách đối ngoại quốc phòng “ba không”, giải quyết bằng biện pháp hòa bình, không đứng về bên này để chống bên kia. Trong quan hệ hợp tác, vẫn phải hết sức chú ý đến quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là xử lý quan hệ với Trung Quốc và Mỹ. Việt Nam luôn thể hiện lập trường xây dựng, nhằm thúc đẩy giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế. Đồng thời, Việt Nam cũng nghiêm túc tuân thủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); tích cực thúc đẩy sớm xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC) và đẩy mạnh đối thoại nhằm duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông. Trong quan hệ với Mỹ: “*các quốc gia Đông Nam Á có thể tận dụng những ảnh hưởng có được từ vai trò của Mỹ tại Biển Đông để tạo thêm thế và lực trong đòi hỏi chủ quyền chính đáng của mình, trong đó có*

việc sử dụng Mỹ như một kênh ngoại giao quan trọng để đa phương hóa, quốc tế hóa vấn đề Biển Đông”²⁷. Tuy nhiên, các nước trong khu vực tranh chấp Biển Đông không nên dựa hoàn toàn vào Mỹ để đòi được chủ quyền vì trên thực tế, những tuyên bố của Mỹ, cơ bản mang tính trung lập, điều đó cho thấy Mỹ chỉ ủng hộ một số khía cạnh nhất định nhằm duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông, vấn đề họ quan tâm là tự do, an ninh hàng hải và không có sự kiểm soát tuyệt đối bởi một quốc gia nào ở Biển Đông chứ không lên tiếng ủng hộ tuyên bố chủ quyền của bất kỳ quốc gia nào, trong đó có Việt Nam. Đối với vấn đề tranh chấp, do tính đặc biệt nhạy cảm của nó đi kèm với những khả năng xảy ra xung đột quân sự, có lúc Mỹ cũng tránh bày tỏ quan điểm trực tiếp để hạn chế sự dính líu không có lợi, Mỹ có những giới hạn trong vấn đề Biển Đông.

Tình hình khu vực và Biển Đông có những biến động phức tạp do nhiều yếu tố gây nên và thúc đẩy, trong đó có yếu tố các nước lớn cạnh tranh ảnh hưởng, cọ xát với nhau về chiến lược, an ninh, kinh tế. Các cường quốc đều có tính toán chiến lược nhằm bảo đảm lợi ích của mình và kiểm chế ảnh hưởng của đối phương. Mỹ và Việt Nam chia sẻ nhiều lợi ích chiến lược chung, đặc biệt trong vấn đề tự do và an ninh hàng hải, nhưng điều đó không có nghĩa là Việt Nam và Mỹ là đồng minh trong cuộc chiến chống Trung Quốc, mà chỉ là cùng hợp tác trên cơ sở chia sẻ những quan điểm, lợi ích chung, song trùng, phù hợp với sự phát triển, an ninh, thịnh vượng và luật pháp quốc tế trước những hành vi bị cộng đồng quốc tế lên án của Trung Quốc.

Như vậy, điểm gặp nhau về mặt chiến lược ở đây là Việt Nam xem Mỹ như một nhân tố nhằm cân bằng lực lượng, hạn chế Trung Quốc trong các hành động gây hấn có khả năng làm leo thang căng thẳng; ngược lại, Mỹ cũng cần những nhân tố như Việt Nam để có sự hiện diện tại khu vực với vai trò người bảo vệ tự do, hòa bình, thịnh vượng và an ninh ở khu vực, bảo vệ vùng biển quốc tế, và thông qua đó thực hiện kiểm chế Trung Quốc để đạt được những mục tiêu chiến lược khác.

KẾT LUẬN

Chính sách tăng cường can dự tại khu vực và những đánh giá về mặt chiến lược của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông cũng như thực tiễn cần phải quốc tế hóa vấn đề Biển Đông chính là những yếu tố chính khiến cho vấn đề ở Biển Đông trở thành một phần quan trọng trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Về phía Mỹ, việc có vị thế quan trọng tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương cũng như trên thế giới sẽ càng được củng cố thông qua việc tăng cường can dự vào

20. Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tình hình đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ tại Việt Nam, ngày 14/4/2015; 2015. truy cập ngày 15/6/2015. Available from: <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/2989/Tinh-hinh-dau-tu-truc-tiep-cua-Hoa-Ky-tai-Viet-Nam>.
21. Colapinto R. America, Vietnam Deepening Cooperation to Balance China; 2013. Available from: <https://atlanticsentinel.com/2013/07/america-vietnam-deepening-cooperation-to-balance-china/>.
22. Burghardt R. New Strategic Partners U.S. and Vietnam Begin Tough Trade Talks; 2012. truy cập ngày 16/7/2016. Available from: <https://www.eastwestcenter.org/news-center/east-west-wire/new-strategic-partners-us-and-vietnam-begin-tough-trade-talks>.
23. Bellacqua J. The China Factor in U.S-Vietnam Relations. CAN, March 2012 23-24. 2012;p. 23-24. truy cập ngày 20/12/2016. Available from: https://www.cna.org/cna_files/pdf/DRM-2012-U-000184-FINAL.pdf.
24. Manyin ME. U.S-Vietnam Relations in 2014: Current Issues and Implications for U.S Policy. CRS Report for Congress. 2014;(June 24);2.
25. Panda A. Straight From the US State Department: The 'Pivot' to Asia Is Over; 2017. truy cập ngày 15/5/2017. Available from: <https://thediplomat.com/2017/03/straight-from-the-us-state-department-the-pivot-to-asiasover/>.
26. American Foreign Policy Interests. Expanded U.S. Assistance for Maritime Capacity Building. Washington DC, December 16, 2013; 2013. truy cập ngày 12/12/2015. Available from: <http://www.state.gov/r/pa/prs/ps/2013/218735.htm>.
27. Huong HM. Chính sách Biển Đông của Mỹ hiện nay. Tạp chí Lý luận Chính trị. 2013;(1):109-114.
28. Dickson KM. A U.S. Base at Cam Ranh Bay, Vietnam: Will It Strengthen PACOM's Efforts to Contain PRC Expansion in Southeast Asia? Naval war College Newreport. 2011;R.1(5). truy cập ngày 15/8/2018.

The South China Sea issue in U.S. - Vietnam relations under President B. Obama

Nguyen Ha Trang^{1,2,*}



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The South China Sea is one of the most important trade pathways in the world. Its strategic economic importance and its geographic location at the confluence of several spheres of influence have rendered it one of the "world's hotspots". The South China Sea issue began as a territorial dispute over the sovereignty of the islands and sea territory involving China, five ASEAN countries including Vietnam, the Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, and Taiwan. While the South China Sea has been the subject of disputes of sovereignty for some time, the conflict began to intensify when China established its nine-dash line in 2012 outlining its territorial claims in the body of water. China's aggressive stance has prompted reactions from ASEAN countries as well as the US. The South China Sea is an area with relevance to U.S.'s national economic, strategic, security interests, so that increased tension within this area may threaten U.S.'s national interests. Vietnam is also aware that the United States is a superpower that shares concerns about China, as well as its influence in the region can play an important role in balancing power in the South China Sea Conflict. U.S. presence help to contain China's aggressive actions, and multilateralization or internationalization of the South China Sea issues is also a contributing factor to control conflict. Therefore, the dispute in the South China Sea is a factor making a closer relationship between the U.S. and Vietnam. Vietnam and the United States established a Comprehensive Partnership in 2013, under which the two countries will strengthen and expand cooperation. In the future, U.S. - Vietnam cooperation will promote strong development, including sensitive fields, because of based on common strategic interests, including "sensitive" fields such as security and defense.

Key words: The South China Sea, Vietnam – U.S relations, B. Obama

¹Thu Dau Mot University

²PhD Student VNU, Ha Noi-University of Social Sciences and Humanities

Correspondence

Nguyen Ha Trang, Thu Dau Mot University

PhD Student VNU, Ha Noi-University of Social Sciences and Humanities

Email: nguyenhatrang0664111@gmail.com

History

- Received: 07/4/2019
- Accepted: 7/8/2019
- Published: 30/9/2019

DOI : 10.32508/stdjssh.v3i3.525



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Ha Trang N. **The South China Sea issue in U.S. - Vietnam relations under President B. Obama.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.*; 3(3):152-161.